

Rx

# Agilecox® 100

**Thuốc bán theo đơn**

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

**Đề xa tâm tay trẻ em**

**Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**

**Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng ghi trên nhãn**

**Thành phần:** Công thức cho 1 viên:

Celecoxib ..... 100mg

Tá dược vớ ..... 1 viên

(Lactose, Tinh bột mì, Croscarmellose natri, Colloidal silicon dioxid, Magnesi stearat).

**Mô tả sản phẩm:** Viên nang cứng, cỡ số 2, nắp màu trắng viên xanh - thân màu trắng viên xanh, bên trong chứa bột thuốc màu trắng, hơi xốp.

**Quy cách đóng gói:** Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng.

**Thuốc dùng cho bệnh gì:** Thuốc này chứa celecoxib là một thuốc chống viêm không steroid dùng:

Điều trị triệu chứng thoái hóa khớp ở người lớn.

Điều trị triệu chứng viêm khớp dạng thấp ở người lớn.

Điều trị hỗ trợ để làm giảm số lượng polyp trong liệu pháp thông thường điều trị bệnh polyp

dạng tuyến đại - trực tràng có tính gia đình.

Điều trị đau cấp, kể cả đau sau phẫu thuật, nhổ răng.

Điều trị thống kinh nguyên phát.

**Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng:**

**Cách dùng:** Uống cả viên thuốc với nước. Nếu dùng liều 200mg/lần, ngày uống 2 lần, có thể uống không cần chú ý đến bữa ăn. Nếu dùng liều cao hơn (400mg/lần, ngày uống 2 lần) phải uống vào bữa ăn (cùng với thức ăn) để cải thiện hấp thu.

**Liều dùng:**

Liều dùng và thời gian dùng thuốc tùy theo tình trạng bệnh của bạn. Luôn luôn dùng thuốc đúng như bác sỹ đã hướng dẫn. Dùng liều thấp nhất có hiệu quả và trong thời gian ngắn nhất phù hợp với mục đích điều trị. Không nên uống thuốc với số lượng nhiều hơn hoặc ít hơn hoặc lâu hơn so với liều chỉ định.

**Khi nào không nên dùng thuốc này:**

Không dùng thuốc này nếu bạn:

Mẫn cảm với celecoxib, sulfonamid hay với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Suy tim nặng, có bệnh tim thiếu máu cục bộ hoặc bệnh mạch máu não; có bệnh động mạch ngoại biên; sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành.

Suy thận nặng.

Suy gan nặng.

Có bệnh viêm ruột (bệnh Crohn, viêm loét đại tràng).

Tiền sử bị hen, mày đay, hoặc các phản ứng kiểu dị ứng khác sau khi dùng aspirin hoặc các thuốc chống viêm không steroid khác.

**Tác dụng không mong muốn (ADR):**

Giống như tất cả các loại thuốc, thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ, nhưng nhiều người không có hoặc ít phản ứng phụ. Tác dụng không mong muốn của celecoxib ở liều thường dùng thì chung nhẹ và có liên quan chủ yếu đến đường tiêu hoá. Những tác dụng không mong muốn khiến phải ngừng dùng thuốc nhiều nhất gồm: Khó tiêu, đau bụng; cần lưu ý nguy cơ huyết khối tim mạch (xem thêm phần cảnh báo và thận trọng ở phần hướng dẫn sử dụng thuốc cho cán bộ y tế).

**Thường gặp, ADR > 1/100**

Tiêu hoá: Đau bụng, tiêu chảy, khó tiêu, đầy hơi, buồn nôn.

Hô hấp: Viêm họng, viêm mũi, viêm xoang, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên.

Hệ thần kinh trung ương: Mất ngủ, chóng mặt, nhức đầu.

Da: Ban.

Chung: Đau lưng, phù ngoại biên.

**Hiếm gặp, ADR < 1/1000**

Tim mạch: Ngất, suy tim sung huyết, rung thất, nghẽn mạch phổi, tai biến mạch máu não, hoại thư ngoại biên, viêm tĩnh mạch huyết khối, viêm mạch.

Tiêu hoá: Tắc ruột, thủng ruột, chảy máu đường tiêu hoá, viêm đại tràng chảy máu, thủng thực quản, viêm tụy, tắc ruột.

Gan mật: Bệnh sỏi mật, viêm gan, vàng da, suy gan.

Huyết học: Giảm lượng tiểu cầu, mất bạch cầu hạt, thiếu máu không tái tạo, giảm toàn thể huyết cầu, giảm bạch cầu.

Chuyển hoá: Giảm glucose-huyết.

Hệ thần kinh trung ương: Mất điều hoà, hoang tưởng tự sát.

Thận: Suy thận cấp, viêm thận kẽ.

Da: Ban đỏ đa dạng, viêm da tróc, hội chứng Stevens-Johnson.

Chung: Nhiễm khuẩn, chết đột ngột, phản ứng kiểu phản vệ, phù mạch.

Nếu bạn gặp bất kỳ tác dụng phụ nào kể cả những tác dụng phụ chưa liệt kê như trên, nhất là có những dấu hiệu của phản ứng dị ứng như phát ban da, sưng mặt, môi, lưỡi hoặc họng hoặc khó thở, khó nuốt phải ngừng dùng thuốc và thông báo ngay cho bác sỹ.

**Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này:**

Trước khi dùng thuốc này, cho bác sỹ của bạn biết tất cả các loại thuốc khác mà bạn đã hoặc đang dùng, bao gồm cả thuốc kê đơn và không kê đơn, thuốc từ dược liệu hoặc thực phẩm chức năng. Đặc biệt các nhóm thuốc sau:

Thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin (dùng điều trị cao huyết áp và suy tim).

Thuốc lợi tiểu như furosemid và thiazid.

Thuốc chống viêm không steroid khác kể cả aspirin; nếu bạn dùng aspirin liều thấp (75mg hoặc ít hơn mỗi ngày) hãy hỏi bác sỹ để được tư vấn trước khi dùng cả hai loại thuốc.

Fluconazol (dùng để điều trị nấm).

Warfarin hoặc thuốc chống đông máu đường uống khác.

Lithi (dùng điều trị một số bệnh trầm cảm).

Danh sách này không đầy đủ các loại thuốc khác có thể tương tác với celecoxib. Hãy cho bác sỹ của bạn biết về tất cả các loại thuốc bạn đang sử dụng. Dùng dùng một thuốc mới mà không nói với bác sỹ của bạn.

**Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc:**

Uống liều bị quên ngay lúc nhớ ra. Nếu liều đó gần với lần dùng thuốc tiếp theo, bỏ qua liều bị quên và tiếp tục uống thuốc theo đúng thời gian qui định. Không dùng 2 liều cùng lúc. Không thay đổi liều hoặc ngưng thuốc.

**Cần bảo quản thuốc này như thế nào:**

Để ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ẩm và ánh sáng.

**Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều:**

Khi uống thuốc quá liều có thể gây ngủ lịm, ngủ lơ mơ, buồn nôn, nôn và đau vùng thượng vị; cũng có thể xảy ra chảy máu đường tiêu hoá; các biểu hiện xảy ra hiếm hơn là tăng huyết áp, suy thận cấp, ức chế hô hấp và hôn mê; có thể xảy ra phản ứng kiểu phản vệ ngay cả khi dùng liều điều trị hoặc khi quá liều.

**Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo:**

Gọi cho bác sỹ của bạn hoặc đến ngay cơ sở y tế gần nhất.

**Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ:**

Phụ nữ dự định có thai, đang có thai hoặc cho con bú.

Đang sử dụng loại thuốc khác, bao gồm cả thuốc kê đơn và không kê đơn, thuốc từ dược liệu hoặc thực phẩm chức năng.

Phản ứng dị ứng như phát ban da, sưng mặt, thờ khò khè hoặc khó thở.

Có vấn đề về tim như đau ngực.

Đau dạ dày nặng hoặc bất kỳ dấu hiệu nào của chảy máu trong dạ dày hoặc ruột, chẳng hạn như đi tiêu ra máu hoặc phân đen, hoặc nôn ra máu.

Suy gan triệu chứng có thể bao gồm buồn nôn, tiêu chảy, vàng da (da hoặc mắt có màu vàng).

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

**Hạn dùng của thuốc:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

## HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

**Các đặc tính dược lực học, dược động học:**

**Các đặc tính dược lực học:**

Celecoxib là một thuốc chống viêm không steroid, ức chế chọn lọc cyclooxygenase-2 (COX-2), có các tác dụng điều trị chống viêm, giảm đau, hạ sốt.

Cơ chế tác dụng của celecoxib được coi là ức chế sự tổng hợp prostaglandin, chủ yếu thông qua tác dụng ức chế isoenzym cyclooxygenase-2 (COX-2), dẫn đến làm giảm sự tạo thành các tiền chất của prostaglandin.

Khác với phần lớn các thuốc chống viêm không steroid có trước đây, celecoxib không ức chế isoenzym cyclooxygenase-1 (COX-1) với các nồng độ điều trị ở người. COX-1 là một enzym cấu trúc có ở hầu hết các mô, bạch cầu đơn nhân to và tiểu cầu.

COX-1 tham gia vào tạo huyết khối (như thúc đẩy tiểu cầu ngưng tập) duy trì hàng rào niêm mạc bảo vệ của dạ dày và chức năng thận (như duy trì tưới máu thận).

Do không ức chế COX-1 nên celecoxib ít có nguy cơ gây các tác dụng phụ (thí dụ đối với tiểu cầu niêm mạc dạ dày), nhưng có thể gây các tác dụng phụ ở thận tương tự như các thuốc chống viêm không steroid không chọn lọc.



**Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm**

27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm - Nhà m

Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, An

ĐT: 0296.3857300 Fax: 0296.3857301

**Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 27/03/2018**

Hấp thu: Celecoxib được hấp thu nhanh qua đường tiêu hoá. Uống celecoxib với thức ăn có nhiều chất béo làm chậm thời gian đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương so với uống lúc đói khoảng 1 đến 2 giờ và làm tăng 10 - 20% diện tích dưới đường cong (AUC). Có thể dùng celecoxib đồng thời với thức ăn mà không cần chú ý đến thời gian các bữa ăn.

Nồng độ đỉnh trong huyết tương của thuốc thường đạt ở 3 giờ sau khi uống một liều duy nhất 200mg lúc đói, và trung bình bằng 705nanogam/ml. Nồng độ thuốc ở trạng thái ổn định trong huyết tương đạt được trong vòng 5 ngày; không thấy có tích lũy. Ở người cao tuổi trên 65 tuổi, nồng độ đỉnh trong huyết tương và AUC tăng 40 và 50%, tương ứng, so với người trẻ; AUC của celecoxib ở trạng thái ổn định tăng 40 hoặc 180% ở người suy gan nhẹ hoặc vừa, tương ứng, và giảm 40% ở người suy thận mạn tính (tốc độ lọc cầu thận 35 - 60ml/phút) so với ở người bình thường.

**Phân bố:** Thể tích phân bố ở trạng thái ổn định khoảng 400 lít (khoảng 7,14 lít/kg) như vậy thuốc phân bố nhiều vào mô. Ở nồng độ điều trị trong huyết tương, 97% celecoxib gắn với protein huyết tương.

**Chuyển hóa:** Celecoxib được chuyển hoá chủ yếu trong gan bởi isoenzym CYP<sub>2C9</sub> thành các chất chuyển hoá không có hoạt tính.

**Thải trừ:** Nửa đời thải trừ trong huyết tương của celecoxib sau khi uống là 11 giờ, và hệ số thanh thải trong huyết tương khoảng 500ml/phút. Nửa đời của thuốc kéo dài ở người suy thận hoặc suy gan. Celecoxib thải trừ khoảng 27% trong nước tiểu và 57% trong phân, dưới 3% liều được thải trừ không thay đổi.

**Chỉ định, liều dùng, cách dùng, chống chỉ định:**

**Chỉ định:**

- Điều trị triệu chứng thoái hóa khớp ở người lớn.
- Điều trị triệu chứng viêm khớp dạng thấp ở người lớn.
- Điều trị bổ trợ để làm giảm số lượng khớp trong liệu pháp thông thường điều trị bệnh polyp dạng tuyến đại - trực tràng có tính gia đình.
- Điều trị đau cấp, kể cả đau sau phẫu thuật, nhổ răng.
- Điều trị thống kinh nguyên phát.

**Liều dùng:**

- Thoái hoá khớp liều duy nhất 200mg/ngày hoặc 100mg x 2 lần/ngày.
- Viêm khớp dạng thấp: 100mg - 200mg/lần x 2 lần/ngày.
- Polyp đại - trực tràng: Liều 400mg/lần x 2 lần/ngày.
- Đau nói chung và thống kinh: Liều thông thường ở người lớn 400mg uống 1 lần, tiếp theo 200mg nếu cần trong ngày đầu. Những ngày tiếp theo nếu cần có thể duy trì liều 200mg/lần x 2 lần/ngày.
- Người cao tuổi (trên 65 tuổi): Không cần điều chỉnh liều, mặc dù nồng độ thuốc tăng trong huyết tương. Tuy nhiên, đối với người cao tuổi có trọng lượng cơ thể dưới 50kg, phải dùng liều khuyến cáo thấp nhất khi bắt đầu điều trị.
- Trường hợp suy gan nhẹ - trung bình: Giảm nửa liều. Không nên dùng cho bệnh nhân suy gan, suy thận nặng. Hoặc dùng theo chỉ dẫn của thầy thuốc

**Cách dùng:** Liều 200mg/lần, ngày uống 2 lần, có thể uống không cần chú ý đến bữa ăn; liều cao hơn (400mg/lần, ngày uống 2 lần) phải uống vào bữa ăn (cùng với thức ăn) để cải thiện hấp thu.

**Chống chỉ định:**

- Mẫn cảm với celecoxib, sulfonamid hoặc với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Suy tim nặng; người có bệnh tim thiếu máu cục bộ hoặc bệnh mạch máu não; người có bệnh động mạch ngoại biên; bệnh nhân sau phẫu thuật bắc cầu động mạch vành.
- Suy thận nặng, suy gan nặng.
- Bệnh viêm ruột (bệnh Crohn, viêm loét đại tràng).
- Tiền sử bị hen, mày đay, hoặc các phản ứng kiểu dị ứng khác sau khi dùng aspirin hoặc các thuốc chống viêm không steroid khác.

**Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc:**

**Cảnh báo và thận trọng:**

- Cần thận trọng khi dùng celecoxib cho các trường hợp sau:
  - Người có tiền sử loét dạ dày tá tràng, hoặc chảy máu đường tiêu hoá, mặc dù thuốc được coi là không gây tai biến đường tiêu hoá do ức chế chọn lọc COX-2.
  - Người có tiền sử hen, dị ứng khi dùng aspirin hoặc một thuốc chống viêm không steroid vì có thể xảy ra sốc phản vệ.
  - Người cao tuổi, suy nhược vì dễ gây chảy máu đường tiêu hoá và thường chức năng thận bị suy giảm do tuổi.
- Celecoxib có thể gây độc cho thận, nhất là khi duy trì lưu lượng máu qua thận phải cần đến prostaglandin thận hỗ trợ. Người có nguy cơ cao gồm có người suy tim, suy thận hoặc suy gan.
- Cần rất thận trọng dùng celecoxib cho những người bệnh này.
- Các bệnh nhân có các yếu tố nguy cơ đối với bệnh tim mạch như cao huyết áp, tăng lipid huyết, tiểu đường, hút thuốc.
- Người bị phù, giữ nước (như suy tim, thận) vì thuốc gây ứ dịch, làm bệnh nặng lên.
- Người bị mất nước ngoài tế bào (do dùng thuốc lợi tiểu mạnh). Cần phải điều trị tình trạng mất nước trước khi dùng celecoxib.
- Ngoài ra, cần theo dõi nguy cơ biến chứng tim mạch (nhồi máu cơ tim, thiếu máu cơ tim cục bộ). Celecoxib không có hoạt tính nội tại kháng tiểu cầu và như vậy không bảo vệ được các tai biến do thiếu máu cơ tim, nhất là nếu dùng liều cao kéo dài (400 - 800mg/ngày).

**Nguy cơ huyết khối tim mạch:**

- Các thuốc chống viêm không steroid (NSAIDs), không phải aspirin, dùng đường toàn thân, có thể làm tăng nguy cơ xuất hiện biến cố huyết khối tim mạch, bao gồm cả nhồi máu cơ tim và đột quỵ, có thể dẫn đến tử vong. Nguy cơ này có thể xuất hiện sớm trong vài tuần đầu dùng thuốc và có thể tăng lên theo thời gian dùng thuốc. Nguy cơ huyết khối tim mạch được ghi nhận chủ yếu ở liều cao.
- Bác sỹ cần đánh giá định kỳ sự xuất hiện của các biến cố tim mạch, ngay cả khi bệnh nhân không có các triệu chứng tim mạch trước đó. Bệnh nhân cần được cảnh báo về các triệu chứng của biến cố tim mạch nghiêm trọng và cần thăm khám bác sỹ ngay khi xuất hiện các triệu chứng này.

Để giảm thiểu nguy cơ xuất hiện biến cố bất lợi, cần sử dụng Agilecox ở liều hàng ngày thấp nhất có hiệu quả trong thời gian ngắn nhất có thể.

**Thành phần tá dược của thuốc này có lactose:** Không nên dùng thuốc này cho bệnh nhân có vấn đề di truyền hiếm gặp về không dung nạp galactose, thiếu enzym Lapp lactase hoặc kém hấp thu glucose-galactose.

**Các khuyến cáo dùng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:**

- Thời kỳ mang thai:**
  - Cho tới nay, chưa có các nghiên cứu đầy đủ về celecoxib ở phụ nữ mang thai. Chỉ nên dùng celecoxib cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cao hơn nguy cơ có thể xảy ra đối với thai. Không dùng celecoxib ở 3 tháng cuối của thai kỳ, vì các chất ức chế tổng hợp prostaglandin có thể có tác dụng xấu trên hệ tim mạch của thai.
- Thời kỳ cho con bú:**
  - Chưa biết celecoxib có được phân bố vào sữa mẹ hay không. Vì celecoxib có thể có những tác dụng không mong muốn nghiêm trọng ở trẻ nhỏ bú sữa mẹ, cần cân nhắc lợi/hại hoặc ngừng cho bú, hoặc ngừng dùng celecoxib.

**Tác động của thuốc đến khả năng lái xe và vận hành máy móc:**

Thận trọng khi dùng thuốc cho người đang lái xe hay vận hành máy móc vì thuốc có thể gây nhức đầu, chóng mặt.

**Trong tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:**

**Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:**

Chỉ trên mô hình tế bào qua thời gian cytochrom P<sub>450</sub> 2C9 trong gan. Sử dụng đồng thời celecoxib với các thuốc có tác dụng ức chế enzym này có thể ảnh hưởng đến dược động học của celecoxib, nên phải thận trọng khi dùng đồng thời với thuốc này.

Celecoxib cũng ức chế cytochrom P<sub>450</sub> 2D6. Do đó có khả năng tương tác giữa celecoxib và các thuốc được chuyển hóa bởi cytochrom P<sub>450</sub> 2D6.

Celecoxib có thể làm giảm tác dụng chống tăng huyết áp của các thuốc ức chế enzym chuyển angiotensin.

Celecoxib có thể làm giảm tác dụng tăng bài tiết natri - niệu của furosemid và thiazid ở một số bệnh nhân.

Celecoxib có thể làm tăng tỷ lệ loét đường tiêu hóa hoặc các biến chứng khác nếu dùng đồng thời với aspirin hoặc các NSAID khác (ibuprofen, naproxen...).

Dùng đồng thời celecoxib và fluconazol có thể dẫn đến tăng đáng kể nồng độ huyết tương của celecoxib, tương tác này có vẻ do fluconazol ức chế isoenzym P<sub>450</sub> 2C9 có liên quan với sự chuyển hóa celecoxib. Do đó, trên bệnh nhân đang dùng fluconazol, nên bắt đầu điều trị celecoxib ở liều khuyến nghị thấp nhất.

Dùng đồng thời celecoxib với warfarin đã xảy ra các biến chứng chảy máu kết hợp với tăng thời gian prothrombin ở một số bệnh nhân (chủ yếu người cao tuổi).

Lithi: Celecoxib có thể làm giảm sự thanh thải thận của lithi, điều này dẫn đến tăng nồng độ lithi trong huyết tương, cần điều chỉnh liều cho phù hợp khi bắt đầu hoặc ngừng dùng celecoxib.

**Tác dụng không mong muốn:**

Tác dụng không mong muốn của celecoxib ở liều thường dùng nói chung nhẹ và có liên quan chủ yếu đến đường tiêu hoá. Những tác dụng không mong muốn khiến phải ngừng dùng thuốc nhiều nhất gồm: Khó tiêu, đau bụng, cần lưu ý nguy cơ huyết khối tim mạch (xem thêm phần cảnh báo và thận trọng).

*Thường gặp, ADR > 1/100*

Tiêu hoá: Đau bụng, tiêu chảy, khó tiêu, đầy hơi, buồn nôn.

Hô hấp: Viêm họng, viêm mũi, viêm xoang, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên.

Hệ thần kinh trung ương: Mất ngủ, chóng mặt, nhức đầu.

Da: Ban.

Chung: Đau lưng, phù ngoại biên.

*Hiếm gặp, ADR < 1/1000*

Tim mạch: Ngất, suy tim sung huyết, rung thất, nghẽn mạch phổi, tai biến mạch máu não, hoại thư ngoại biên, viêm tĩnh mạch huyết khối, viêm mạch.

Tiêu hoá: Tắc ruột, thủng ruột, chảy máu đường tiêu hoá, viêm đại tràng chảy máu, thủng thực quản, viêm tụy, tắc ruột.

Gan mật: Bệnh sỏi mật, viêm gan, vàng da, suy gan.

Huyết học: Giảm lượng tiểu cầu, mất bạch cầu hạt, thiếu máu không tái tạo, giảm toàn thể huyết cầu, giảm bạch cầu.

Chuyển hoá: Giảm glucose-huyết.

Hệ thần kinh trung ương: Mất điều hoà, hoang tưởng tự sát.

Thận: Suy thận cấp, viêm thận kẽ.

Da: Ban đỏ đa dạng, viêm da tróc, hội chứng Stevens-Johnson.

Chung: Nhiễm khuẩn, chết đột ngột, phản ứng kiểu phản vệ, phù mạch.

**Quá liều và cách xử trí:**

*Biểu hiện:*

Quá liều các thuốc chống viêm không steroid có thể gây ngủ lịm, ngủ lơ mơ, buồn nôn, nôn, và đau vùng thượng vị; các biểu hiện này thường phục hồi với việc điều trị nâng đỡ. Cũng xảy ra chảy máu đường tiêu hoá. Các biểu hiện xảy ra hiếm hơn là tăng huyết áp, suy thận cấp, ức chế hô hấp và hôn mê. Các phản ứng kiểu phản vệ đã được thông báo với liều điều trị của thuốc chống viêm không steroid và có thể xảy ra khi quá liều.

*Điều trị:*

Không có thuốc giải độc đặc hiệu với các thuốc chống viêm không steroid. Việc điều trị bao gồm điều trị triệu chứng và điều trị nâng đỡ. Trong 4 giờ đầu sau dùng quá liều, liệu pháp gây nôn và/hoặc cho than hoạt (60 - 100g cho người lớn, hoặc 1 đến 2g/kg cho trẻ em), và/hoặc một thuốc tẩy thẩm thấu có thể có ích đối với những người bệnh đã có biểu hiện bệnh lý hoặc đã uống một lượng thuốc quá lớn. Thẩm tách máu không hiệu quả trong việc loại trừ thuốc khỏi cơ thể.